

Số: 7959/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 23 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 22/9/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		752	Giảm (27,4%)	43.183**
Đang điều trị (20.638)	<i>Tầng 3</i>	15	Tăng (7,1%)	181
	<i>Tầng 2</i>	415	Giảm (18,5%)	5.292
	<i>Tầng 1</i>	492	Tăng (20,0%)	7.415
	<i>Khác</i>			7.750
Khỏi bệnh*		761	Tăng (65,8%)	22.146
Tử vong*		07	Tăng (75,0%)	399

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

**Hiệu chỉnh 77 ca trùng: Trảng Bom (01), Biên Hòa (02), Vĩnh Cửu (74)

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	22.507	Giảm (42,1%)	2.822.996
Dương tính	2.012 (752 ca mới, 1.260 theo dõi điều trị)	Giảm (9,1%)	95.616
Âm tính	20.385	Giảm (43,3%)	2.710.065

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 03 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Stry Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa.

- Trong ngày có 2.012/22.507 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 8,9%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	800	9.958	20.347	30.305
Cách ly tại nhà	369	11.356	53.967	65.323
Theo dõi sức khỏe	105	4.668	21.585	26.253

Trong ngày: 538 F1 (cộng dồn 19.168), 66 F2 (cộng dồn 31.236)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.683 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 22 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.661 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 26 ca, lũy kế 1.873 ca F0/144.330 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T

- DN có F0 trong ngày: 03 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 66/1.143 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:

+ Cty TNHH Posco VST - KCN Trạch I: Công ty có 01 F0. Công ty thực hiện 3T từ ngày 22/7/2021, thực hiện test lần đầu 100% và định kỳ theo quy định. Công ty đang truy vết và xác định nguồn lây nhiễm, nhưng đánh giá nhanh nghi ngờ nguồn lây do mua bán - giao nhận hàng hoá ra vào Công ty.

+ Cty TNHH Ocean Ken International – KCN Tam Phước: Có 16 F0 chuyển từ F1.

+ Cty TNHH MTV Phú Tài Đồng Nai – KCN Tam Phước: Có 09 F0 chuyển từ F1.

- Điều trị khỏi: 1.291/1.847 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 68,93%

- Đang điều trị: 582 ca, chiếm 31,07%.

- Số doanh nghiệp 3T có ca F0 đang điều trị 33/65 Doanh nghiệp.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 43.155 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 761 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 07 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 148 ca là phụ nữ đang mang thai, 2.862 ca dưới 18 tuổi, 477 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 53 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

+ 01 ca ECMO

+ 52 ca thở máy xâm lấn

- 428 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);

- 3.522 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 8.938 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trông 7.182 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trông 3.674 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trông 227 giường)

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;

- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;

- 752 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 07 ca sàng lọc trong cộng đồng, 135 ca trong khu phong tỏa và 610 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 07 ca trong cộng đồng: Biên Hòa (02), Long Thành (03), Trảng Bom (01), Vĩnh Cửu (01).

- 02 ca cùng gia đình ngụ tại khu phố 3, phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc tại Bệnh viện Hoàn Mỹ ITO.

- 01 ca ngụ tại Ấp 2, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành phát hiện qua xét nghiệm truy vết do tiếp xúc với chị gái từ Trảng Bom đến nhà chơi có test nhanh dương tính.

- 01 ca ngụ tại ấp 3, xã Phước Bình, huyện Long Thành phát hiện qua test nhanh dương tính tại PKĐK Hoàng Anh Đức, chưa rõ nguồn lây

- 01 ca ngụ tại tổ 22, khu Phước Hải, TT Long Thành, huyện Long Thành, chưa rõ nguồn lây.

- 01 ca ngụ tại ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, đang điều tra dịch tễ.

- 01 ca ngụ tại khu phố 5, TT Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, đang điều tra dịch tễ.

+ 135 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Quang Vinh (12) – Biên Hòa; Phước Thiên (25), Hiệp Phước (10) – Nhơn Trạch; Thạnh Phú (26) – Vĩnh Cửu.

- Hiện còn 196 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR. Trong đó: Trảng Bom (156), Nhơn Trạch (40); các phòng xét nghiệm ghi nhận 110 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Nhơn Trạch 373, Biên Hòa 235 (81 trường hợp test nhanh dương tính), Trảng Bom 186 (175 trường hợp test nhanh dương tính), Xuân Lộc 06 trường hợp về từ vùng dịch;

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 02 tàu, 40 người.

- Cộng dồn: 1.129 tàu, 21.110 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9 (từ ngày 17/9/2021)

- **Tổng số tiêm trong ngày: 2.743 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 2.448 người; Mũi 2: 295 người.

- Tiến độ theo Kế hoạch: Đợt 9 đạt 1,0% kế hoạch (chưa nhận được vắc xin)

- Số liều vắc xin còn lại: 9.631 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **1.866.935 liều** vắc xin COVID-19 cho **1.760.520 người** (chiếm tỉ lệ **78,1%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có 106.415 người đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ 4,72%).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- Triển khai Kế hoạch số 11456/KH-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về Thận tốc xét nghiệm COVID-19 để kiểm soát vùng nguy cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Triển khai Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới **bắt đầu lúc 0h00 ngày 20/9/2021**. Từ ngày 16/9/2021 đến hết ngày

19/9/2021 tỉnh Đồng Nai vẫn tiếp tục thực hiện Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tiếp tục tăng cường thực hiện nghiêm các biện pháp trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo tại Công văn số 10569/UBND-KGVX ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 07 ca trong cộng đồng: Biên Hòa (02), Long Thành (03), Trảng Bom (01), Vĩnh Cửu (01). Trong đó đặc biệt lưu ý 02 ca phát hiện ở vùng xanh tại xã Phước Bình – Long Thành và xã Trung Hòa – Trảng Bom.

- Số ca khu phong tỏa trong ngày giảm còn 135 ca : Ghi nhận nhiều nhất tại phường Quang Vinh (12) – Biên Hòa; Phước Thiện (25), Hiệp Phước (10) – Nhơn Trạch; Thạnh Phú (26) – Vĩnh Cửu.

- Tỷ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 78,1%

IV. Kiến nghị

- Triển khai triệt để Kế hoạch xét nghiệm thần tốc 11456/UBND-KGVX ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh.

- Các địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện nghiêm việc giãn cách trong các khu phong tỏa. Thường xuyên tổ chức đánh giá chính xác mức độ nguy cơ trên địa bàn để thu hẹp vùng phong tỏa, triển khai áp dụng các biện pháp phòng chống dịch phù hợp, kịp thời.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.

- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các công ty thực hiện 3T.

- Thực hiện Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm

bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

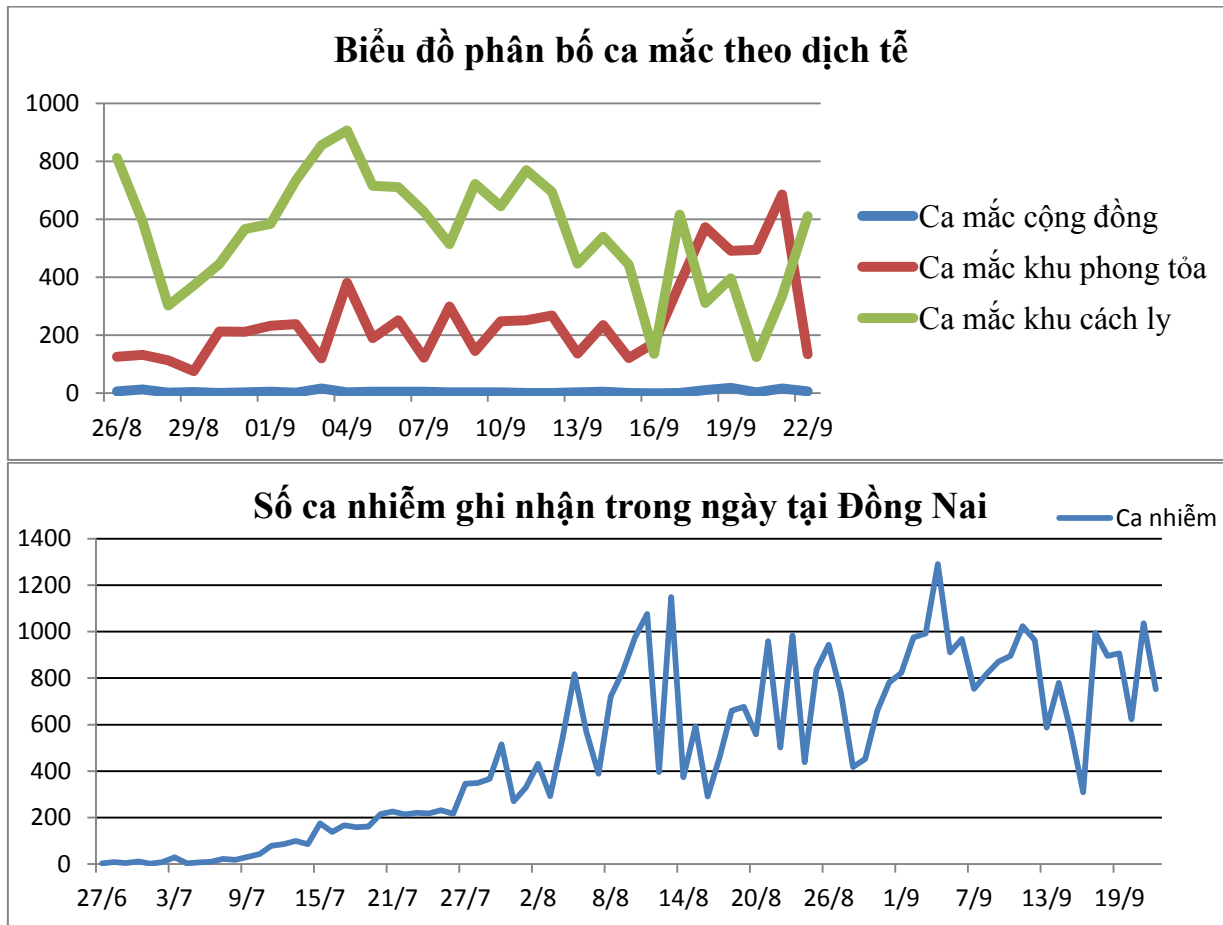
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	410	3,8%	2	375	33	17042
2	Nhon Trạch	170	-61,0%	0	114	56	10709
3	Vĩnh Cửu	98	-23,4%	1	68	29	9315
4	Trảng Bom	28	-40,4%	1	21	6	3282
5	Long Thành	32	88,2%	3	20	9	896
6	Thống Nhất	11	120,0%	0	11	0	492
7	Long Khánh	0	-	0	0	0	328
8	Xuân Lộc	2	0,0%	0	0	2	285
9	Định Quán	1	-66,7%	0	1	0	250
10	Cẩm Mỹ	0	-	0	0	0	198
11	Tân Phú	0	-	0	0	0	22
12	Ngoại tỉnh, khác	0	-100%	0	0	0	332
Tổng cộng		752	-27,4%	7	610	135	43.151



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)								Số ca Chưa rõ nguồn lây
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng				
						Tổng	Trong đó	Doanh nghiệp		
		Cộng Đồng	Khu nhà trọ							
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (19)										
1	Biên Hòa	330	0	308	22					
1.1	<i>An Bình</i>	56		55	1					
1.2	<i>Hóa An</i>	0								
1.3	<i>Long Bình</i>	40		37	3					
1.4	<i>Long Bình Tân</i>	35		33	2					
1.5	<i>Phước Tân</i>	0								
1.6	<i>Quang Vinh</i>	42		30	12					
1.7	<i>Tam Phước</i>	69		67	2					
1.8	<i>Tân Biên</i>	26		24	2					
1.9	<i>Tân Hiệp</i>	37		37						
1.10	<i>Tân Phong</i>	9		9						
1.11	<i>Trung Dũng</i>	16		16						
2	Long Thành	8	1	5	2					
2.1	<i>An Phước</i>	3		3						
2.2	<i>TT Long Thành</i>	5	1	2	2					1
3	Nhơn Trạch	99	0	64	35					
3.1	<i>Hiệp Phước</i>	51		41	10					
3.2	<i>Phước Thiện</i>	48		23	25					
4	Trảng Bom	22	0	18	4					
4.1	<i>Hố Nai 3</i>	4			4					
4.2	<i>Sông Trầu</i>	18		18						
5	Vĩnh Cửu	93	0	67	26					

5.1	<i>Thanh Phú</i>	71		45	26					
5.2	<i>Thiện Tân</i>	22		22						

NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (19)

1	Biên Hòa	22	0	17	5					
1.1	<i>Hố Nai</i>	7		6	1					
1.2	<i>Tân Hòa</i>	10		10						
1.3	<i>Tân Mai</i>	2		1	1					
1.4	<i>Thanh Bình</i>	0								
1.5	<i>Trảng Dài</i>	3			3					
2	Long Thành	6	0	3	3					
2.1	<i>Tam An</i>	4		1	3					
2.2	<i>Long An</i>	2		2						
3	Nhơn Trạch	42	0	21	21					
3.1	<i>Đại Phước</i>	8		8						
3.2	<i>Long Thọ</i>	20		6	14					
3.3	<i>Phú Đông</i>	4			4					
3.4	<i>Phú Hội</i>	10		7	3					
4	Thống Nhất	11	0	11	0					
4.1	<i>Dầu Giây</i>	11		11						
4.2	<i>Gia Kiệm</i>	0								
5	Trảng Bom	1	0	0	1					
5.1	<i>Bắc Sơn</i>	0								
5.2	<i>Bình Minh</i>	1			1					
6	Vĩnh Cửu	0	0	0	0					
6.1	<i>Tân An</i>	0								
6.2	<i>Trị An</i>	0								
6.3	<i>Vĩnh Tân</i>	0								
7	Xuân Lộc	0	0	0	0					
7.1	<i>Xuân Hưng</i>	0								

NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (33)

1	Biên Hòa	52	2	44	6	0				
1.1	<i>An Hòa</i>	7		7						
1.2	<i>Bình Đa</i>	3		3						
1.3	<i>Bửu Hòa</i>	0								
1.4	<i>Bửu Long</i>	4		2	2					
1.5	<i>Hiệp Hòa</i>	1		1						
1.6	<i>Hòa Bình</i>	4		4						
1.7	<i>Long Hưng</i>	0								
1.8	<i>Quyết Thắng</i>	7	2	5						2
1.9	<i>Tam Hiệp</i>	5		3	2					
1.10	<i>Tam Hòa</i>	1			1					
1.11	<i>Tân Hạnh</i>	0								
1.12	<i>Tân Tiến</i>	0								
1.13	<i>Tân Vạn</i>	15		14	1					
1.14	<i>Thống Nhất</i>	5		5						
2	Định Quán	0	0	0	0					
2.1	<i>La Ngà</i>	0								
3	Long Thành	17	1	12	4					
3.1	<i>Bàu Cạn</i>	1	1							
3.2	<i>Bình Sơn</i>	7		4	3					
3.3	<i>Long Đức</i>	4		4						
3.4	<i>Long Phước</i>	2		1	1					
3.5	<i>Phước Thái</i>	3		3						
4	Nhơn Trạch	26	0	25	1					
4.1	<i>Long Tân</i>	22		22						
4.2	<i>Phú Hữu</i>	3		3						
4.3	<i>Phú Thạnh</i>	0								
4.4	<i>Phước An</i>	1			1					
4.5	<i>Phước Khánh</i>	0								
5	Thống Nhất	0	0	0	0					

5.1	<i>Gia Tân 3</i>	0							
5.1	<i>Xuân Thiện</i>	0							
6	Trảng Bom	0	0	0	0				
6.1	<i>Đôi 61</i>	0							
6.2	<i>Quảng Tiến</i>	0							
6.3	<i>Sông Thao</i>	0							
6.4	<i>TT Trảng Bom</i>	0							
7	Vĩnh Cửu	4	1	0	3				
7.1	<i>Tân Bình</i>	0							
7.2	<i>TT Vĩnh An</i>	4	1		3				1
BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (99)									
1	Biên Hòa (00)								
2	Cẩm Mỹ (13)								
3	Định Quán (13)	1		1					
3.1	<i>Suối Nho</i>	1		1					
4	Long Khánh (15)								
5	Long Thành (05)	1	1						
5.1	<i>Phước Bình</i>	1	1						1
6	Nhơn Trạch (01)	3			3				
6.1	<i>Vĩnh Thanh</i>	3			3				
7	Tân Phú (18)								
8	Thống Nhất (06)								
9	Trảng Bom (09)	2	1		1				
9.1	<i>Hưng Thịnh</i>	1			1				
9.2	<i>Trung Hòa</i>	1	1						1
10	Vĩnh Cửu (05)	1		1					
10.1	<i>Bình Hòa</i>	1		1					
11	Xuân Lộc (14)	2			2				
11.1	<i>Xuân Tâm</i>	1			1				
11.2	<i>Xuân Trường</i>	1			1				

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 mới ghi nhận

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	N.V.P	1969		BVDN	P.Tam Phước Biên Hòa	20/9/21	Ngưng tim hồi sức không thành công/Choáng nhiễm trùng từ phổi/Viêm phổi nặng do Sars CoV 2/
02	N.V.T	1991		BVTN	ấp Long Đức 3, Tam Phước, Biên Hòa	21/9/21	viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS coV 2, suy đa cơ quan.
03	B.T.T		1964	BVTN	Tân Phong, Thành phố Biên Hòa	21/9/21	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS - CoV -2 – Đái tháo đường type 2- D/c liệt hai chi dưới
04	N.V.B	1954		BVTN	Đại Phước- Nhơn Trạch	21/9/21	Bệnh Covid 19- Viêm phổi mức độ nguy kịch biến chứng ARDS – Suy đa phủ tạng/THA
05	N.T.T.L		1978	BVTN	TT Hiệp Phước- Nhơn Trạch	22/9/21	Viêm phổi mức độ nguy kịch biến chứng ARDS – Choáng nhiễm trùng- Suy đa phủ tạng- Tràn khí màng phổi (P).
06	T.T.N		1957	BVTN	Ấp 3- Hiệp Phước- Nhơn Trạch	22/9/21	Bệnh Covid 19- Viêm phổi mức độ nguy kịch– Choáng mất máu do xuất huyết tiêu hóa- Viêm tụy cấp thể nhẹ/ Xơ gan Child C-THA-ĐTĐ Typ2.
07	P.T.G		1954	BVDN	P. Thống Nhất TP Biên Hòa	22/9/21	Ngưng tim hồi sức không thành công/Choáng nhiễm trùng từ phổi/Viêm phổi nặng do Sars CoV 2/THA/ĐTĐ2

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.217	308	8.152	8	28.980	122,58%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	118,66%
Đợt 4	341.098	299.074	42.024	1.823	8	316.160	107,89%
Đợt 5	172.175	146.282	25.893	875	0	157.000	109,67%
Đợt 6	278.583	275.990	2.593	9	0	265.210	105,04%
Đợt 7	672.685	671.655	1.030	6.675	0	686.590	97,97%
Đợt 8	311.524	298.734	12.790	288	0	307.250	101,39%
Đợt 9	5.151	4.949	202	0	0	515.500	1,00%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	100,00%
Tổng cộng	1.866.935	1.760.520	106.415	26.777	24	2.320.040	80,47%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận	
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)						Không triệu chứng
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	2	0	0	2	35		133		9	0	21	5		0	1	0	28	7	5
2	BVTN/TTHSTC	400	200	11	3	3	5	113	110	163	16	21	5	31	28			1	0	81	32	87

3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	1	0	0	0	13	54	34	21	0	1	1	11	0	0	1	0	3	2	27
4	BVĐKKVLT	100	100	1	0	0	0	34	44	33	0	8	6	0	20	0	0	0	0	29	5	66
5	BV Nhi ĐN	20	10					0														
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Phôi																					
8	BV QTCTCH SG-ĐN																					
9	BV Đồng Nai 2	10	7	0	0	0	0	7	106	0	110	3	0	0	4	7	0	0	0	0	7	3
10	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu																					
11	BV Cao su Đồng Nai																					
Tổng cộng (tầng 3)		730	408	15	3	3	7	181	315	363	147	41	12	53	68	7	0	3	0	141	53	227

TẦNG 2

1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	0	66	0	0	203	20	1	1007	1	0	0	6	88	115	4	45	149	5	16
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	11	8	0	0	343	84	0	898	0	0	0	7	150	70	8	75	156	17	10
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	34	25	3	0	457	61	0	1550	0	0	0	18	20	436	13	94	369	88	43
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	10	0	0	0	318	62	0	1198	0	0	0	7	59	258	0	84	274	4	27
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	30	1	0	167	32	0	906	0	0	0	8	56	111	4	34	8	17	145
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	12	60	2	0	695	94	0	3600	0	0	0	29	232	434	14	185	663	15	315
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	80	81	0	1	669	113	1	2346	0	0	0	10	279	389	12	169	442	46	31
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	55		1	0	605	32	0	1225	0	0	0	19	179	407	9	64		16	30
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	31	18	1	0	436	19	0	1221	0	0	0	7	185	244	4	119	383	6	238
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	9	0	2	0	693	50	0	1628	0	0	0	23	106	587	4	167	512	14	114
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	0	0	0	103	0	0	0	0	0	0	0	53	50	3	29	103	0	2487
12	Bệnh viện Da liễu	150	150		4	2	0		23	0	427	0	0	0	4							
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	12	2	0	0	70	88	13	170	3	0	0	40	40	10	7	2	7	19	4
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	8	0	0	0	55							0	24	31		30	24	1	0
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	1	11	0	0	62	0	0	90	0	0	0	8	45	9	2	5	51	6	88
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	0	0	14	3	0	8	0	0	0	2	2	12	0	2	0	0	16
17	Bệnh viện Phôi	60	11	0	8	0	0	2	0	3	0	0	0	0	2	1	1	0	0	0		

18	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai 2	40	74	9	8	2	0	74	106	0	110	3	0	0	0	45	29	3	5	26	48	
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	14	5	1		34	95	0	84				3	17	14		6	11	0	1
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	2	0	0	0	52	24	1	60	0	0	0	3	15	37	0	6	51	1	13
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	1	2	0	0	15	9	0	27	0	0	0	4	10	5	0	0	5	3	0
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	8	0	0	0	295	0	0	0	0	0	0	1	71	223	0	0	284	11	0
Tổng cộng (tầng 2)		10127	8966	289	328	15	1	5062	915	19	16555	7	0	0	200	1606	3249	87	1121	3234	306	3904

TẦNG 1

1	Biên Hòa	4224	3685	293	100	24	0	3080	817	13	3396	0	0	0	15	1270	1960	23	568	2541	73	552
2	Long Khánh	432	432	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	431
3	Vĩnh Cửu	5790	5660	47	120	4	0	1484	1210	3	4822	0	0	0	0	87	1397	9	411	1212	10	2414
4	Định Quán	100	89	0	0	0	0	10	42	0	68	0	0	0	0	8	2	0	3	7	0	79
5	Tân Phú	60	60	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60
6	Trảng Bom	876	871	124	8	7	0	731	1042	1	1233	0	0	0	0	17	714	6	203	516	6	14
7	Thống Nhất	130	140	1	0	3	0	11	47	0	0	0	0	0	0	0	11	1	5	10	1	130
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	1	2	0	0	6	2	0	27	0	0	0	0	2	4	0	1	3	0	194
10	Long Thành	250	250	17	14	0	0	123	31	0	489	0	0	0	0	0	123	2	46	119	4	127
11	Nhơn Trạch	3230	3210	9	131	6	0	1804	0	0	0	0	0	0	33	450	1321	18	476	1308	20	1406
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		15592	14597	492	375	44	0	7415	3191	17	10039	0	0	0	48	1834	5533	59	1713	5717	114	7182
TỔNG TẦNG (3+2+1)		26449	23971	796	706	62	8	12658	4421	399	26741	48	12	53	316	3447	8782	149	2834	9092	473	11313